

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSPT

Ngày: 05/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Quang Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Sơn

Bà Lê Hồng Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Tổng Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 313/2017/HSPT ngày 06 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Châu Nhật H do có kháng cáo của người bị hại Lê Thị T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

Bị cáo bị kháng cáo:

Châu Nhật H, sinh năm 1998 tại Đồng Nai; HKTT: tổ 3, ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Văn L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 05 và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Người bào chữa cho bị cáo H theo yêu cầu: Luật sư **Nguyễn Văn Minh**, Công ty luật TNHH Dương Hùng Minh – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Người bị hại kháng cáo: **Bà Lê Thị T1**, sinh năm 1976.

Trú tại: tổ 1, ấp 4, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 12/5/2017 Châu Nhật H, Châu Văn H1, Châu Thái N đến nhà anh Vũ Quốc T2 ngụ tại ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai uống rượu. Đến 20 giờ 10 phút, Châu Văn H1 nghỉ uống rượu ra về. Khi đến khu vực nhà H1, thấy có 02 thanh niên chưa rõ họ tên đi xe mô tô chạy qua net bờ, lúc này có

Đỗ Văn G, Nguyễn Thanh S, Đỗ Văn T3 đi bộ qua, H1 nghĩ hai người chạy xe mô tô là bạn của G. H1 gọi G lại trách móc thì xảy ra cự cãi và đánh nhau bằng tay không giữa hai người. Bà Nguyễn Thị T là mẹ của H1 đang ở trong nhà thấy H1 đánh nhau ra can ngăn thì G, T3, S đi về nhà.

Châu Văn H1 điện thoại cho Châu Nhật H, Châu Thái N biết sự việc đánh nhau, H và N về nhà được bà T cho biết H1 bị nhóm của G đánh. Châu Nhật H, Châu Thái N rủ nhau đến nhà G để đánh trả thù cho H1. Khi đến nhà G thấy T3 và S đứng ở phần đất giáp ranh giữa nhà S với nhà ông Phan Văn T4, còn G đứng trong nhà. Nguyên, H lao vào đánh T3, S, G bằng tay không, lúc này H1 đi sau thấy vậy cũng lao vào đánh nhóm của G. Khi hai nhóm đang đánh nhau thì bà Lê Thị T1 là mẹ của G và bà Nguyễn Thị T đến can ngăn. Châu Nhật H nhặt 01 khúc cây dài 40cm ở đồng củi nhà ông Phan Văn T4 đánh vào đầu Bà T1 làm rách da đầu. Bà T can ngăn không cho H đánh Bà T1 nữa, H vứt khúc cây lại đi về nhà. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Châu Nhật H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản Kết luận giám định thương tích số 0397/GDPY/2017 ngày 30/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận tỷ lệ thương tích tại thời điểm giám định là 02%.

Về vật chứng vụ án: Không thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Châu Nhật H** phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự; Điều 234 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự:

Xử phạt bị cáo **Châu Nhật H** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Châu Nhật H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Bà T1 số tiền là 24.047.759 đồng. Bà T1 được liên hệ Chi cục thi hành án dân sự huyện V để nhận số tiền bị cáo đã nộp là 6.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001872 ngày 30/8/2017. Còn lại bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Bà T1 số tiền là 18.047.759 đồng.

Ngoài ra, trong bản án còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, người bị hại Lê Thị T1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt, tăng bồi thường đối với bị cáo Châu Nhật H và đề nghị xem xét lại phần án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Tại tòa bà Lê Thị T1 rút kháng cáo về phần hình phạt, nên không xem xét phần này. Tuy nhiên việc áp dụng pháp luật chưa đầy đủ căn cứ, vì bị cáo phạm tội còn mang tính chất côn đồ. Bà T1 yêu cầu tăng bồi thường, nhưng

không cung cấp được chứng cứ nào mới, không có cơ sở chấp nhận. Về án phí theo quy định của pháp luật, thì người bị hại không phải chịu.

Đề nghị sửa án sơ thẩm phần áp dụng pháp luật và án phí.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Tòa án huyện xử bị cáo 06 tháng tù, cho hưởng án treo. người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng án. Nay tự nguyện rút yêu cầu này tại tòa, đề nghị đình chỉ xét xử về hình phạt. Về bồi thường dân sự tòa sơ thẩm buộc bồi thường cho bà Lê Thị T1 số tiền 24.047.759 đồng là phù hợp và có căn cứ. Đề nghị y án sơ thẩm về hình phạt và bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào khoảng 20h10' ngày 12/5/2017 tại ấp 5, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai, xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau giữa hai nhóm thanh niên Châu Nhật H, Châu Văn H1, Châu Thái N với Đỗ Văn G, Nguyễn Thanh S, Đỗ Văn T3. Bà Lê Thị T1 là mẹ của Đỗ Văn G đến can ngăn thì bị Châu Nhật H nhấc cây dài 40cm đánh trúng đầu gây thương tích với tỷ lệ 2%.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai nhân chứng, người bị hại và các tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ. Xét án sơ thẩm xử bị cáo Châu Nhật H về tội: “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS là có căn cứ đúng người, đúng tội, nhưng chưa đầy đủ vì Bà T1 và bị cáo không có mâu thuẫn gì, mà bị cáo vô cớ đánh Bà T1, bị cáo còn mang tính chất côn đồ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 104 BLHS.

Hành vi dùng hung khí nguy hiểm, mang tính chất côn đồ của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Do đó phải có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Người bị hại bà Lê Thị T1 kháng cáo đề nghị không cho bị cáo được hưởng án treo vì cho rằng cấp sơ thẩm xử không đúng quy định pháp luật. Tại tòa Bà T1 rút yêu cầu tăng án đối với bị cáo. Căn cứ khoản 1 điều 342 BLTTHS đình chỉ xét xử phần hình phạt.

Người bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường thêm tiền ăn của người bệnh và người nuôi bệnh 11 ngày (200.000đ/ngày x 2 người) là 2.200.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận, vì tòa sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu thu nhập bị mất và tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe.

Đối với tiền tổn thất tinh thần, người bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường thêm số tiền 60.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 590 BLDS 2015 là không có cơ sở. Theo quy định pháp luật mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về

tinh thần cho người bị thiệt hại, tối đa không quá 50 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định, tại thời điểm giải quyết bồi thường. Trong vụ án này người bị hại Lê Thị T1 chỉ bị thương tích tỷ lệ 2%, cấp sơ thẩm xem xét buộc bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần là phù hợp.

Án sơ thẩm tuyên Bà T1 được liên hệ Chi cục thi hành án dân sự huyện V để nhận số tiền bị cáo đã nộp là 6.000.000 đồng, bị cáo còn tiếp tục bồi thường cho người bị hại số tiền 18.047.759đ là không phù hợp, nên sửa lại phần này cho đúng.

Trong vụ án này người bị hại yêu cầu bồi thường về sức khỏe bị xâm phạm, căn cứ quy định tại điểm d, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì yêu cầu của người bị hại thuộc T3 hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Do người bị hại được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí tòa án nên không có nghĩa vụ phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị quyết nêu trên.

Cấp sơ thẩm buộc người bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và yêu cầu người bị hại phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong T3 hợp này là sai quy định, kháng cáo của người bị hại về phần án phí là có căn cứ chấp nhận.

Như đã nhận định: Xét chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của luật sư bào chữa cho bị cáo. Chấp nhận một phần kháng cáo của Bà T1 đối với phần án phí mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại Lê Thị T1, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và án phí.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử phạt bị cáo **Châu Nhật H** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Châu Nhật H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Bà T1 số tiền 24.047.759 đồng (hai mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm năm mươi chín đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 6.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V (Biên lai thu tiền số 0001872 ngày 30/8/2017) để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 902.388 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bà Lê Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 000671 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

4. T3 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện V (2);
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV27 (Công an tỉnh);
- Bị cáo - Người bị hại (2);
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Quang Nghĩa